

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/DS-PT

Ngày: 08-9-2020

V/v: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Bính.

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Văn Trung.

- Ông Vũ Văn Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham dự phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế - số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2020/TLPT-DS ngày 05 tháng 8 năm 2020 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 98/2020/QĐPT- DS ngày 25/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn G, sinh năm 1919; địa chỉ: Số 16/116 đường N, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Huyền P, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế;

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn P1 – Văn phòng Luật sư H; địa chỉ: Số 31 đường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954; địa chỉ: Số 16/116 đường N, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt;

2.2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962; địa chỉ: số 16/116 đường N, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Thị Q, sinh năm 1928; địa chỉ: Số 16/116 đường N, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

* Người giám hộ của bà Trần Thị Q: Ông Nguyễn Tấn G, sinh năm 1919; địa chỉ: Số 16/116 đường N, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; ông G có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt;

3.2. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ; địa chỉ liên hệ: Số 23 đường N1, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; người đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị Hồng V- Phó giám đốc Chi nhánh H; vắng mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Nguyễn Thị P2, sinh năm: 1964; địa chỉ: Khu A, căn hộ 712, chung cư V, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt;

4.2. Chị Nguyễn H, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu A, căn hộ 712, chung cư V, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

Do có kháng cáo của bà Nguyễn Thị L - là Bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Tấn G và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo ông Nguyễn Tấn G và người đại diện theo ủy quyền của ông G trình bày:

- Bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị T là con gái ruột của ông G và bà Trần Thị Q. Ông G và bà Q đều là cán bộ hưu trí, có 01 người con là liệt sĩ. Vào năm 1985, do con trai Nguyễn Tấn L1 mua đất và xây nhà tại Huế nên ông bà đã quyết định bán nhà và đất đang sinh sống tại thị trấn T, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa để trở về Huế sinh sống. Từ số tiền bán nhà đất cùng với lương hưu và các khoản trợ cấp hàng tháng sau khi đã trừ chi phí sinh hoạt cho ông bà, vợ chồng ông bà đã tích cóp được số tiền tính đến năm 2015 là khoảng 215.000.000 đồng.

Do già yếu, nên vào năm 2015 vợ chồng ông bà quyết định giao số tiền trên cho hai người con gái là bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị T quản lý giữ gìn bằng cách mở sổ tiết kiệm để bà T và bà L cùng đứng tên gửi tại Ngân hàng Đ-Huế, vì tin tưởng vào các con nên ông bà không viết giấy tờ giao nhận tiền. Sau khi đáo hạn, tổng số tiền gốc và lãi thu được 248.816.910 đồng. Tiếp đó, bà L và bà T tiếp tục gửi số tiền này vào kỳ hạn mới bắt đầu từ ngày 13/9/2017, ngày đáo hạn 13/10/2018 với lãi suất 7.20%/năm, kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng Đ-Huế.

Đến nay, vợ chồng ông bà không còn tin tưởng giao số tiền này cho bà L và bà T quản lý giúp nữa vì ông phát hiện bà L lợi dụng sự già yếu của ông bà để làm hồ sơ tặng cho nhà đất duy nhất của ông bà không đúng quy định pháp luật. Chính vì nhận ra bà L có ý đồ chiếm đoạt tài sản của vợ chồng ông bà nên ông đã nhiều lần gọi điện thoại, họp gia đình để yêu cầu bà L và bà T trả tiền trong sổ tiết kiệm cho ông bà, nhưng bà L luôn tìm cách thoái thác không chịu trả, còn bà T thì đồng ý trả số tiền trên cho vợ chồng ông.

Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của vợ chồng ông bà, ngày 21/6/2018 ông đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị T trả lại toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi liên quan đến số tiền 248.816.910 đồng trong sổ tiết kiệm số SC0744136 do bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị T đứng tên đồng sở hữu mở tại Ngân hàng Đ -Huế; và yêu cầu Ngân hàng Đ-Huế tất toán sổ tiết kiệm nêu trên để giao trả lại toàn bộ số tiền có trong sổ tiết kiệm trên cho ông bà.

Theo bà Nguyễn Thị T trình bày:

Cha mẹ ruột của bà là Nguyễn Tấn G và Trần Thị Q vốn là cán bộ hưu trí và cha mẹ của liệt sĩ nên hàng tháng nhận được tiền lương hưu, các khoản trợ cấp khác, cộng với tiền bán nhà và đất tại Thanh Hóa trước đây, tính đến năm 2015 cha mẹ bà giành được một khoản tiền 215.000.000 đồng. Trước năm 2013, mẹ bà còn khỏe nên đứng tên gửi tiết kiệm tại ngân hàng, sau này, mẹ của bà đã già cả hay quên nên nhờ các con quản lý tiền giúp. Ngày 05/8/2013, em gái bà là bà L chở mẹ bà đến Ngân hàng Q - chi nhánh Huế để rút tiền tiết kiệm với số tiền khoảng hơn 194.000.000 đồng (bà không nhớ con số cụ thể), sau đó, mẹ bà giao toàn bộ số tiền trên cho bà L đứng tên gửi vào Ngân hàng để bà L giữ giùm. Sau đó, cha mẹ bà thống nhất giao số tiền trước đây đã giao cho bà L đứng tên gửi sang cho cả hai chị em bà cùng đứng tên. Thống nhất với nguyện vọng của cha mẹ, nên ngày 13/7/2015, bà có đi cùng với bà L đến Ngân hàng Q để rút tiền. Sau khi bà L rút tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Q ngày 13/7/2015, thì bà cùng bà L sang Ngân hàng Đ-Huế để gửi tiết kiệm do ngân hàng Đ có lãi suất cao hơn, bà và em gái là Nguyễn Thị L đứng tên đồng sở hữu gửi số tiền gốc là 215 triệu đồng tại sổ tiết kiệm số SC0744136 tại Ngân hàng Đ chi nhánh Huế. Ngân hàng chỉ phát hành 01 bản gốc sổ tiết kiệm và 01 bản gốc cam kết, hiện tại bà L đang giữ. Sau khi đáo hạn, toàn bộ gốc và lãi được khoảng 248.816.910 đồng, bà cùng bà L tiếp tục tái tục toàn bộ số tiền này vào kỳ hạn mới bắt đầu từ ngày 13/9/2017, ngày đáo hạn 13/10/2018 với lãi suất 7.20%/năm, kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng Đ-Huế. Bà khẳng định đây là tiền của cha mẹ bà giao cho bà và bà L cùng đứng tên giữ giùm để sau này lo hậu sự cho cha mẹ. Việc bà L cho rằng số tiền tiết kiệm là của riêng bà L, bà L chỉ cho bà đứng tên đồng sở hữu là hoàn toàn không đúng sự thật.

Thời gian sau này, nhiều lần cha mẹ bà có yêu cầu trả lại tiền nhưng bà L không đồng ý và cố tình trốn tránh, gia đình cũng đã họp bàn giải quyết sự việc có sự tham gia chứng kiến của đại diện đoàn thể, địa phương, nhưng bà L trốn tránh không tham dự, không chịu cùng bà ra Ngân hàng để rút tiền trả lại cho cha mẹ. Bà là đồng sở hữu nhưng bà khẳng định toàn bộ số tiền này là của cha mẹ mình, cha mẹ bà tin tưởng vào con gái nên không lập giấy giao nhận tiền, bà đã lập giấy cam đoan có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường X về việc này. Do vậy, bất kỳ thời điểm nào cha mẹ bà có yêu cầu trả lại bà sẵn sàng giao trả, nhưng vì cả bà và bà L cùng đứng tên nên bà không thể thực hiện giao dịch liên quan đến sổ tiết kiệm này nếu không có bà L.

Nay cha bà khởi kiện yêu cầu bà và bà L trả lại khoản tiền trong sổ tiết kiệm nêu trên bà hoàn toàn đồng ý.

Theo bà Nguyễn Thị L trình bày:

Nguyên căn số tiền gốc và lãi 248.816.910 đồng trong sổ tiết kiệm SC0744136 do bà và bà T đứng tên đồng sở hữu được mở ngày 13/9/2017, ngày đáo hạn 13/10/2018 tại Ngân hàng Đ-Huế là tiền của bà, do bà tích góp tiết kiệm từ tiền lương hàng tháng mà có. Việc ông G, bà T cho rằng đó là tiền của cha mẹ bà là ông G và bà Q là không đúng sự thật bởi ba mẹ bà nghỉ hưu từ thời bao cấp, lương hưu và các khoản phụ cấp rất thấp không đủ chi tiêu, lo việc gia đình; nhà, đất tại Thanh Hóa ở trong miền núi đất đai mênh mông, nhà tranh vách đất giá trị rất nhỏ, ba mẹ bà vào Huế trước năm 1993 chưa có luật đất đai nên nhà nước không cho mua bán nhà đất; thời điểm đó công việc và thu nhập của bản thân bà cũng khá nên để ba mẹ không phải lo lắng thì bà đảm nhiệm hết mọi việc trong nhà; sở dĩ bà và bà T cùng đứng tên trong sổ tiết kiệm SC0744136 là do khoảng tháng 7/2015, bà chuẩn bị đi Thanh Hóa có công chuyện riêng, sợ ba mẹ ở nhà không đủ tiền chi tiêu, bà có nói với bà T để cho bà T cùng đứng tên trong sổ tiết kiệm nói trên để thuận tiện cho bà T đi rút tiền về lo cho ba mẹ khi bà đi vắng. Thời gian đó, gia đình bà còn bình yên, các anh chị em và ba mẹ chưa phát sinh mâu thuẫn gì bà rất tin tưởng bà T và không nghi ngờ gì khi đặt vấn đề cho bà T cùng đứng tên với bà trong sổ tiết kiệm ngân hàng đối với tiền của bà. Do đó, ngày 13/7/2015, bà đến Ngân hàng Q- Chi nhánh Huế để rút số tiền 215.075.565 đồng mà bà tích góp gửi tiết kiệm tại đây, vì thấy lãi suất bên Ngân hàng Đ cao hơn nên trong ngày 13/7/2015, bà và bà T đến Ngân hàng Đ –Huế làm thủ tục mở sổ tiết kiệm đồng chủ sở hữu đứng tên Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị T với số tiền gửi là 215.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bà L có nộp phiếu tất toán tài khoản tiết kiệm mang tên Nguyễn Thị L số 5023109742005 (BL 121) và bà cho rằng: Sổ tiết kiệm mà nguyên đơn gửi kèm đơn khởi kiện không đúng theo mẫu của sổ tiết kiệm do Ngân hàng Đ phát hành; trong sổ tiết kiệm không có chữ ký của người có thẩm quyền là Giám đốc Ngân hàng Đ cùng con dấu; không có chữ ký của kiểm soát và chữ ký của giao dịch viên; con dấu vuông “Ngân hàng Đ Huế phòng DVKH” là con dấu nội bộ, không có giá trị và không hợp pháp để giao dịch với khách hàng; trong sổ tiết kiệm dòng cuối thể hiện các con số cách xa nhau (BL 126). Bà cam đoan không mở sổ tiết kiệm SC0744136 đồng chủ sở hữu đứng tên bà với bà T, ngày mở 13/9/2017, ngày đáo hạn 13/10/2018 tại Ngân hàng Đ-Huế, bà không biết lý do vì sao có sổ tiết kiệm đó. Ngoài ra bà cung cấp tài liệu chứng cứ là các bản ghi âm giữa ông G- bà T-ông L1, với nội dung liên quan đến tiền lương của cha mẹ phần lớn là để gửi cho ông Nguyễn Tấn L1 tại Quận Đ, cũng như giữa ông G và bà T cũng có những bất hòa, bà T đối xử không tốt với cha mẹ. Bà L cũng đề nghị Tòa đưa người làm chứng là bà Nguyễn Thị P2 và chị Nguyễn H vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Từ những lý do trên, nay cha của bà khởi kiện cho rằng toàn bộ số tiền gốc và lãi liên quan đến sổ tiết kiệm số SC0744136 do bà và bà T đứng tên đồng sở hữu tại Ngân hàng Đ là của cha mẹ bà và yêu cầu bà và bà T trả lại số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Đ-Huế thì bà hoàn toàn không đồng ý vì đó không phải là tiền của ba mẹ bà mà là tiền riêng của bà. Việc bà T cho rằng số tiền đó là của cha mẹ và đồng ý trả lại cho cha mẹ thì đó là việc của bà T, bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Q: Tại Quyết định phúc

thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2019/QĐPT-DS ngày 16/9/2019 về việc tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã tuyên bố bà Trần Thị Q là người mất năng lực hành vi dân sự; ông Nguyễn Tấn G là người giám hộ cho bà Trần Thị Q.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Tấn G với tư cách là người giám hộ cho bà Trần Thị Q đã có đơn xin giải quyết vắng mặt và đề nghị không tiến hành hòa giải.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- Ngân hàng Đ trình bày: Ngày 13/7/2015, bà Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị L có mở sổ tiết kiệm đồng sở hữu số SC0744136, với số tiền gửi ban đầu là 215.000.000 đồng, kỳ hạn 13 tháng. Quá trình làm thủ tục mở sổ các bên đã tiến hành lập bản cam kết đối với trường hợp đồng chủ sở hữu có chữ ký xác nhận của bà L và bà T. Sau khi thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định, ngân hàng đã phát hành 01 bản chính sổ tiết kiệm và giao cho khách hàng. Kể từ khi làm thủ tục mở sổ gửi tiết kiệm đến nay phía bà L và bà T không làm thủ tục đáo hạn nên khi hết hạn thì khoản tiền này sẽ tự động tái tục kỳ hạn mới là 13 tháng. Tính đến nay, cộng lãi và gốc là 289.153.992 đồng;

Phía Ngân hàng Đ cho rằng văn bản tại bút lục số 27 trong hồ sơ vụ án không phải sổ tiết kiệm mà đây là bản sao kê tiền gửi, ngân hàng có đóng dấu vuông của phòng dịch vụ khách hàng (DVKH). Khi khách yêu cầu thì Ngân hàng đã tiến hành lập bản sao kê tiết kiệm có kỳ hạn số SC0744136 ngày 23/8/2018 và đã gửi cho khách hàng bản sao kê này, thể hiện ngày mở là 13/9/2017 thì đây là ngày tái tục đối với khoản tiền gửi tiết kiệm của bà L và bà T và ngày 13/10/2018 chính là ngày đáo hạn của khoản tiền gửi này. Ngân hàng Đ đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Ngân hàng sẽ thực hiện theo như Quyết định của Tòa án.

Người làm chứng chị Nguyễn H trình bày: Chị là cháu ngoại của ông G và bà Q, ý kiến rằng số tiền trong sổ tiết kiệm số SC0744136 gửi tại Ngân hàng Đ- Huế không phải của ông bà ngoại và dì T. Chị cho rằng tiền lương hưu trợ cấp hàng tháng của ông G và bà Q không đủ chi tiêu trong gia đình, bà L còn phải hỗ trợ thêm. Chị H nhớ khoảng tháng 7/2015, khi dì L chuẩn bị đi Thanh Hóa thì có nói với mọi người trong gia đình dì L có gửi tiết kiệm ở Ngân hàng Q số tiền hơn 200.000.000 đồng, dì sẽ rút về và gửi ở Ngân hàng Đ vì lãi suất cao hơn và dì sẽ cho dì T đứng tên cùng dì trong sổ tiết kiệm mở tại Ngân hàng Đ để nhờ dì L đi xa, ba mẹ ở nhà có việc gì thì dì T có thể thay dì L đi rút tiền ở Ngân hàng về giúp ba mẹ chi tiêu. Sau này, đi về dì L có yêu cầu dì T đi cùng để làm thủ tục để cho dì L đứng tên một mình nhưng dì T không làm.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị P2 trình bày: Bà là con gái của ông G và bà Q, bà cho rằng số tiền trong sổ tiết kiệm số SC0744136 gửi tại Ngân hàng Đ- Huế không phải của bố mẹ bà và bà T. Bà cho rằng tiền lương hưu trợ cấp hàng tháng của ông G và bà Q không đủ chi tiêu trong gia đình, bà L còn phải hỗ trợ thêm. Bà nhớ khoảng tháng 7/2015, khi bà L chuẩn bị đi Thanh Hóa thì có nói với mọi người trong gia đình bà L có gửi tiết kiệm ở Ngân hàng Q số tiền hơn 200.000.000 đồng, bà L sẽ rút về và gửi ở Ngân hàng Đ vì lãi suất cao hơn và sẽ cho bà T đứng tên cùng trong sổ tiết kiệm mở tại Ngân hàng Đ để nhờ bà L đi xa, ba mẹ ở nhà có việc gì thì bà T có thể thay dì L đi rút tiền ở Ngân hàng về giúp ba mẹ chi tiêu. Sau này, đi về bà L có yêu

cầu bà T đi cùng để làm thủ tục để cho dì L đứng tên một mình nhưng bà T không làm. Tại phiên tòa bà P2 cam đoan lời khai của mình không gian dối, bà P2 cho rằng sở dĩ bà biết sổ tiết kiệm số SC0744136 gửi tại Ngân hàng Đ- Huế không phải của bố mẹ bà và bà T mà là của bà L bởi khi bà đến nhà bà L chơi, bà có nhìn thấy sổ tiết kiệm này.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 164, 165, 166 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- ông Nguyễn Tấn G;

Xác định sổ tiết kiệm số SC0744136 đứng tên bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị L do Ngân hàng thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Huế phát hành ngày 13/7/2015 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Tấn G và bà Trần Thị Q. Ông Nguyễn Tấn G và bà Trần Thị Q được nhận toàn bộ số tiền gốc và lãi trong sổ tiết kiệm số SC0744136 do Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh Huế phát hành ngày 13/7/2015, tính đến ngày 30/6/2020 số tiền gốc và lãi có tại sổ tiết kiệm này là 289.153.992 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị L phải giao trả sổ tiết kiệm số SC0744136 đứng tên bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị L do Ngân hàng thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Huế phát hành ngày 13/7/2015 cho ông Nguyễn Tấn G và bà Trần Thị Q.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh Huế phải có trách nhiệm tất toán thẻ tiết kiệm số SC0744136 đứng tên bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị L khi có yêu cầu của ông Nguyễn Tấn G.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các bên đương sự theo luật định;

Ngày 08/7/2020, bà Nguyễn Thị L, địa chỉ: 16/116 đường N, phường X, thành phố H; địa chỉ liên lạc: Khu A, căn hộ 712, chung cư Vicoland, phường X, thành phố H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Tại cấp phúc thẩm, bị đơn là bà Nguyễn Thị L không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ để chứng minh sổ tiết kiệm cùng đứng tên với bà Nguyễn Thị T là tài sản riêng của bà L và chỉ nhờ bà T đứng tên cùng. Do đó, đề

ngợi HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo là hợp lệ. Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét nội dung đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Sổ tiết kiệm số SC0744136 ngày 13 tháng 7 năm 2015 mang tên của bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị T với số tiền 215.000.000 đồng và tính đến ngày xét xử sơ thẩm như ý kiến của đại diện Ngân hàng tại biên bản phiên tòa sơ thẩm (Bút lục số 344) là: tiền gốc và tiền lãi là 289.153.992 đồng. Trong quá trình tiến hành tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà L đều cho rằng số tiền trong sổ tiết kiệm là tài sản của bà dành dụm được. Như vậy bà L là người tranh chấp tài sản với ông G và bà Q. Phía bà T không tranh chấp và xác định đây là số tiền thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Tấn G và bà Trần Thị Q là bố mẹ của bà T và bà L. Do ông G và bà Q đều già yếu không đến Ngân hàng để thực hiện việc giao dịch làm thủ tục gửi tiền được nên ông G và bà Q đã nhờ hai người con gái của mình là bà T và bà L đến Ngân hàng để đứng tên giùm cho ông bà. Tại phiên tòa phúc thẩm bà L vẫn cho rằng số tiền trong sổ tiết kiệm nói trên là thuộc quyền sở hữu của bà và bà T chỉ là người đứng tên giùm cho bà L. Tuy nhiên bà L không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để chứng minh số tiền trong sổ tiết kiệm nêu trên là thuộc quyền sở hữu của bà L và bà L không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh bà T là người đứng tên giùm cho bà.

Mặt khác trước khi mở phiên tòa phúc thẩm bà L đã tự nguyện giao nộp cho Tòa án toàn bộ các sổ tiết kiệm trước đây bà T đứng tên giùm cho ông G, bà Q và bà L đã nộp sổ tiết kiệm số SC0744136 ngày 13 tháng 7 năm 2015 mang tên của bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị T với số tiền 215.000.000 đồng. Ngoài ra bà L không nộp thêm tài liệu chứng cứ nào khác. Điều đó chứng tỏ số tiền trong sổ tiết kiệm nói trên thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Tấn G và Trần Thị Q. Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả lại số tiền gốc và lãi 289.153.992 đồng cùng các khoản lãi phát sinh sau này tại Ngân hàng cho ông G, bà Q là có căn cứ và đúng pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội.

[2.2] Xét quá trình tiến hành tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại Tòa án cấp phúc thẩm bà T không tranh chấp tài sản với ông G, bà Q mà đều thừa nhận đã

đứng tên giùm cho ông G, bà Q trong sổ tiết kiệm nói trên. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận việc bà T thừa nhận đứng tên giùm trong sổ tiết kiệm nói trên là phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án. Đồng thời, bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm mà cần sửa bản án buộc bà L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2.3] Từ những nhận định trên, HĐXX phúc thẩm xét không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, mà cần sửa bản án sơ thẩm như đã nhận định nói trên là có căn cứ và đúng pháp luật..

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T không phải chịu án phí, bà L phải chịu án phí trên tổng số tiền không được chấp nhận là:

$289.153.992 \text{ đồng} \times 5\% = 14.457.699,60 \text{ đồng}$ làm tròn thành 14.457.700 đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Tấn G 6.221.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2013/006101 ngày 17/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L không phải chịu. Tạm giữ số tiền tạm ứng án phí kháng cáo phúc thẩm để đảm bảo cho việc thi hành án phần án phí dân sự sơ thẩm còn phải thi hành

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các Điều 164, 165, 166 của Bộ luật dân sự; Các Điều 26, 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.; tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, sửa bản án sơ thẩm; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn G;

Chấp nhận sự thừa nhận của bà Nguyễn Thị T về việc đứng tên giùm cho ông Nguyễn Tấn G và bà Trần Thị Q trong sổ tiết kiệm số SC0744136 ngày 13 tháng 7 năm 2015 do Ngân hàng thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Huế phát hành.

Xác định số tiền trong sổ tiết kiệm số SC0744136 ngày 13 tháng 7 năm 2015 đứng tên bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị L do Ngân hàng thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Huế phát hành thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Tấn G và bà Trần Thị Q. Ông Nguyễn Tấn G và bà Trần Thị Q được nhận toàn bộ số tiền gốc và lãi trong sổ tiết kiệm số SC0744136 do Ngân hàng thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Huế phát hành ngày 13/7/2015, tính đến ngày 30/6/2020 số tiền gốc và lãi có tại sổ tiết kiệm này là 289.153.992 đồng và các khoản lãi phát sinh kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm cho đến ngày ông G, bà Q rút toàn bộ số tiền tại Ngân hàng.

Giao sổ tiết kiệm số SC0744136 ngày 13/7/2015 đứng tên bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị L do Ngân hàng thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Huế phát hành cho ông Nguyễn Tấn G và bà Trần Thị Q. (Sổ đã nộp tại Tòa án cấp phúc thẩm).

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Huế phải có trách nhiệm tất toán thẻ tiết kiệm số SC0744136 đứng tên bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị L khi có yêu cầu của ông Nguyễn Tấn G.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T không phải chịu.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu 14.457.700 đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Tấn G 6.221.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2013/006101 ngày 17/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu. Tạm giữ số tiền tạm ứng án phí kháng cáo phúc thẩm 300.000 đồng (Biên lai thu tiền số AA/2016/000130 ngày 04/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế) để đảm bảo cho việc thi hành án phần án phí dân sự sơ thẩm còn phải thi hành.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TT Huế;
- Tòa án nhân dân thành phố H;
- VKSND thành phố H ;
- Chi cục THADS thành phố H ;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu Tòa DS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hưng Bính